

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2020

“V/v tranh chấp về hôn nhân gia  
đình xin về ly hôn, nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Văn Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Văn Hiến.
2. Ông Lê Văn Vững.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 428/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Hoàng Thị Đình Đ, sinh năm: 1996.  
Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện T, Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1988.  
Địa chỉ: Ấp 5, xã L, huyện T, Đồng Tháp.

*(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Hoàng Thị Đình Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn H lấy nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lợi, huyện Tháp Mười, Đồng

Tháp. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh H không còn yêu thương tôi như trước, thường kiểm chuyện chửi bới tôi, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Thương con tôi cố gắng chịu đựng mong anh H suy nghĩ lại, nhưng đến nay tôi thấy sự cố gắng của tôi không còn ý nghĩa nữa vì anh H đã không còn yêu thương tôi và con, anh H không muốn cùng tôi xây dựng gia đình. Nay tôi nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ nuôi con: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 19/9/2016, hiện đang sống với tôi. Tôi yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Hữu cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về quan hệ nợ: Không có.

Ngoài ra, chị Đ không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

*\* Theo ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Đ cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lợi năm 2015. Trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc cũng có mâu thuẫn, cãi nhau. Nhưng tôi còn thương vợ, thương con không muốn cuộc sống gia đình đổ vỡ. Vợ tôi yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý.

- Về quan hệ nuôi con: Thống nhất với lời trình bày của chị Đ, vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 19/9/2016, hiện đang sống với vợ tôi. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn tôi yêu cầu được nuôi dưỡng Thiên L và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về quan hệ nợ: Không có.

Ngoài ra, anh H không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

*\* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

1. Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (Bản photo);
2. Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
3. Trích lục khai sinh (Bản sao);

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 17/8/2020.

*\* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Tài liệu, chứng cứ; Về quan hệ tài sản và về quan hệ nợ.

*\* Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Về quan hệ hôn nhân; Về quan hệ nuôi con.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị Đình Đ về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *“Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”*.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 5, xã L, huyện T, Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, Đồng Tháp; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh H đến với nhau do quen biết, tự tìm hiểu, tổ chức đám cưới vào năm 2015 và được UBND xã Thạnh Lợi, huyện Tháp Mười cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/6/2015. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì không hạnh phúc, chị Đ trình bày là mâu thuẫn phát sinh do anh H không còn yêu thương chị, thường kiếm chuyện chửi chị dẫn đến không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Từ tháng 12/2018 chị đã về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Anh H trình bày là thời gian chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn, anh thừa nhận vợ chồng không sống chung với nhau từ cuối năm 2018 vì hoàn cảnh gia đình nên anh phải đi làm xa. Chị Đ yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, con, anh cần thời gian để thu xếp công việc. Nhưng từ lúc hòa giải cho đến phiên tòa hôm nay anh H không có biện pháp nào để chị Đ đồng ý hàn gắn và cho đến nay tình cảm vợ chồng cũng không có dấu hiệu tích cực nào thể hiện hòa hợp xây dựng gia đình hạnh phúc giữa hai người và chị Đ xác định không còn tình cảm gì với anh H và cương quyết xin ly hôn.

Từ những phân tích trên, cho thấy hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, tại phiên tòa hôm nay chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh H xét thấy phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống chị Đ và anh H có một con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 19/9/2016, hiện Thiên L đang sống chung với chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ và anh H đều có yêu cầu được nuôi con và không ai yêu cầu cấp dưỡng. Theo chị Đ trình bày hiện chị đang sống tại nhà cha mẹ ruột, làm công nhân tại công ty may lương từ 04 – 05 triệu trên tháng, chị

đảm bảo sẽ chăm sóc tốt cho con. Riêng anh H yêu cầu nuôi con nhưng công việc anh không ổn định, không chứng minh được có thể chăm sóc tốt cho con. Mặt khác, từ lúc anh H đi làm ở Tây Ninh thì cháu Thiên L do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho Thiên L cũng như tâm lý ổn định để Thiên L có thể phát triển tốt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị Đ.

Chị Đ, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Anh H, được quyền thăm con.

Về cấp dưỡng do chị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản: Chị Đ, anh H thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, chị Đ và anh H xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì chị Đ, anh H không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ về việc yêu cầu được ly hôn với anh H.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị Đ phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị Đình Đ.

Chị Hoàng Thị Đình Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ nuôi con: Chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 19/9/2016. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đ không có yêu cầu.

Chị Đ, anh H có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục con chung không bên nào được quyền ngăn cấm.

Chị Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Không có.

4. Về quan hệ nợ: Không có.

5. Về án phí: Chị Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp theo biên lai số 0006330 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Đ đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Thạnh Lợi;
- Lưu hồ sơ vụ án (Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Văn Ngọc**

